

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THẠCH BÀN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Hà Nội, tháng 4 năm 2016

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	9 - 38

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Thạch Bàn (gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Thế Cường	Chủ tịch HĐQT
Ông Phạm Đức Phú	Phó Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Trọng Kiên	Ủy viên HĐQT

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Thế Cường	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Đức Phú	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Trọng Kiên	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Công Định	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Thiết lập và thực hiện kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc, 



Nguyễn Thế Cường
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 4 năm 2016

Số: 126/2016/BCKT- AVI-TC1

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Tập đoàn Thạch Bàn**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thạch Bàn (gọi tắt là “Công ty”) và các công ty con được lập ngày 10/4/2016 và được trình bày từ trang 5 đến trang 38, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Giá gốc các khoản đầu tư của tổ hợp công ty mẹ - công ty con vào các công ty liên kết tại ngày 31/12/2015 với số tiền 105.817.500.000 đồng; phần lãi lỗ trong các Công ty liên kết được xác định từ tài sản thuần và thu nhập ròng với số tiền 364.963.546 đồng. Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 của một số công ty liên kết của Công ty chưa được kiểm toán; do một số hạn chế từ phía đơn vị, chúng tôi không thực hiện được các thủ tục soát xét báo cáo tài chính của các Công ty này. Theo đó chúng tôi không đánh giá được tính hợp lý của các số liệu liên quan tới các khoản đầu tư của tổ hợp công ty mẹ - công ty con vào các công ty liên kết được nêu tại thuyết minh số 16 trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty chưa trích lập dự phòng phải thu khó đòi đối với một số khoản công nợ phải thu đã quá hạn thanh toán với số tiền khoảng 1,129 tỷ đồng. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất năm 2015 của Công ty chưa bao gồm các điều chỉnh có liên quan.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thạch Bàn và các công ty con tại ngày 31/12/2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Vũ Bình Minh
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán: 0034-2015-055-1

Ngô Việt Thanh
Kiểm toán viên
Số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán: 1687-2015-055-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT
Hà Nội, ngày 10 tháng 4 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 01-DN/HN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã	Thuyết	31/12/2015	01/01/2015
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		252.114.614.296	148.390.096.912
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	25.073.818.883	7.795.191.239
1. Tiền	111		21.188.818.883	7.795.191.239
2. Các khoản tương đương tiền	112		3.885.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		147.882.747.276	58.526.814.730
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	33.401.953.967	30.828.855.700
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		52.451.001.112	15.207.726.293
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	7	4.754.000.000	4.754.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	58.410.727.014	8.350.174.408
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(1.906.767.887)	(1.368.739.902)
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		771.833.070	754.798.231
IV. Hàng tồn kho	140	10	77.610.622.117	76.935.392.643
1. Hàng tồn kho	141		78.706.906.865	77.815.108.590
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.096.284.748)	(879.715.947)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.547.426.020	5.132.698.300
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	895.677.607	4.344.810.371
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		617.308.588	787.885.929
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	18	34.439.825	2.000
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		205.195.514.538	106.419.258.395
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		226.125.120	226.125.120
1. Phải thu dài hạn khác	216	8	226.125.120	226.125.120
II. Tài sản cố định	220		47.096.346.481	46.657.826.028
1. Tài sản cố định hữu hình	221	15	40.544.775.963	39.635.611.499
- Nguyên giá	222		208.563.097.449	208.475.532.596
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(168.018.321.486)	(168.839.921.097)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	13	403.265.518	571.409.494
- Nguyên giá	225		1.008.863.868	1.008.863.868
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(605.598.350)	(437.454.374)
3. Tài sản cố định vô hình	227	14	6.148.305.000	6.450.805.035
- Nguyên giá	228		9.754.305.000	9.754.305.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.606.000.000)	(3.303.499.965)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		46.852.706.063	39.965.933.256
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	10	1.550.452.248	1.500.750.432
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	45.302.253.815	38.465.182.824
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		108.882.463.546	17.527.612.560
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	16	106.182.463.546	14.827.612.560
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	16	2.700.000.000	2.700.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		2.137.873.328	2.041.761.431
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	853.725.448	681.041.261
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		1.284.147.880	1.360.720.170
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		457.310.128.834	254.809.355.307

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 01-DN/HN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		406.976.172.875	217.229.541.073
I. Nợ ngắn hạn	310		201.537.967.544	182.777.212.698
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	36.565.450.545	40.144.170.932
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.771.336.537	3.400.312.799
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	22.072.805.841	17.459.934.892
4. Phải trả người lao động	314		2.818.532.149	5.216.319.050
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		3.994.063.867	2.423.542.269
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	19	7.305.864.343	9.403.835.325
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20	126.521.047.892	104.855.487.696
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		(511.133.630)	(126.390.265)
II. Nợ dài hạn	330		205.438.205.331	34.452.328.375
1. Phải trả dài hạn khác	337	19	68.047.390.686	19.403.068.769
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	20	137.390.814.645	15.049.259.606
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		50.333.955.959	37.579.814.234
I. Vốn chủ sở hữu	410		50.333.955.959	37.579.814.234
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	21	31.533.390.000	31.533.390.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		31.533.390.000	31.533.390.000
2. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416	21	837.104.207	837.104.207
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	21	22.358.753.635	15.139.679.148
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	21	94.170.000	-
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	21	(16.634.329.631)	(18.861.895.412)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(17.598.432.429)	(18.377.597.907)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		964.102.798	(484.297.505)
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		12.144.867.748	8.931.536.291
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		457.310.128.834	254.809.355.307

Hà Nội, ngày 10 tháng 4 năm 2016

Người lập biểu



Nguyễn Thị Nhân

Kế toán trưởng



Đỗ Thị Tân

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thế Cường

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

MẪU SỐ B 02-DN/HN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm 2015	Năm 2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	23	271.117.506.609	297.250.227.100
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	24	5.519.305.840	6.384.131.530
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		265.598.200.769	290.866.095.570
4. Giá vốn hàng bán	11	25	198.792.853.081	231.885.692.153
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		66.805.347.688	58.980.403.417
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	86.142.900	181.090.317
7. Chi phí tài chính	22	27	12.677.452.245	12.802.834.626
- Trong đó: Chi phí lãi vay		23	11.995.782.696	11.911.351.222
8. Chi phí bán hàng	25	28	23.115.719.670	24.471.022.949
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	24.378.938.077	21.900.947.456
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		6.719.380.596	(13.311.297)
11. Thu nhập khác	31		778.767.337	975.377.155
12. Chi phí khác	32		2.607.245.500	2.010.178.080
13. Lợi nhuận khác	40		(1.828.478.163)	(1.034.800.925)
14. Lãi/(lỗ) trong công ty liên doanh, liên			767.688.047	38.597.363
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		5.658.590.480	(1.009.514.859)
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		1.216.902.967	1.076.556.469
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		470.740.684	(1.119.528.729)
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		3.970.946.829	(966.542.599)
19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ			2.693.925.919	(1.900.002.423)
20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát			1.277.020.910	933.459.824
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	854	(603)
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		854	(603)

Hà Nội, ngày 10 tháng 4 năm 2016

Người lập biểu

Nguyễn Thị Nhân

Kế toán trưởng

Đỗ Thị Tần

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thế Cường

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

MẪU SỐ B 03-DN/HN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2015	Năm 2014
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	5.658.590.480	(1.009.514.859)
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	8.119.775.392	8.995.599.377
- Các khoản dự phòng	03	754.596.786	947.610.083
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	54.061.532	37.557.616
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(139.592.557)	165.731.277
- Chi phí lãi vay	06	11.995.782.696	11.911.351.222
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	26.443.214.329	21.048.334.716
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(89.817.388.241)	(5.784.771.024)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(941.500.091)	(16.686.854.671)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	40.960.480.206	(12.774.644.871)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	3.276.448.577	2.087.861.981
- Tiền lãi vay đã trả	14	(10.136.590.308)	11.742.843.056
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.501.014.406)	(579.925.537)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	1.705.051.263	3.046.688.280
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(397.900.000)	(1.421.356.909)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(30.409.198.671)	678.175.021
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(10.696.600.409)	(18.352.520.273)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	176.777.273	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(1.700.000.000)
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(85.000.000.000)	-
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	800.000.000
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	86.142.900	409.153.535
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(95.433.680.236)	(18.843.366.738)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	473.200.117.518	237.592.486.945
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(329.193.002.283)	(216.039.179.379)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(679.404.000)	(911.810.229)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	143.327.711.235	20.641.497.337
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	17.484.832.328	2.476.305.620
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	7.795.191.239	5.331.056.359
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(9.048.164)	(12.170.740)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	25.270.975.403	7.795.191.239

Người lập biểu



Nguyễn Thị Nhân

Kế toán trưởng



Đỗ Thị Tần

Hà Nội, ngày 10 tháng 4 năm 2016

Tổng Giám đốc
CÔNG TY
CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN
THẠCH BÀN
Nguyễn Thế Cường

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thạch Bàn hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100107444 thay đổi lần thứ 6 ngày 26/12/2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp; tên giao dịch bằng tiếng nước ngoài là Thạch Ban Group Joint Stock Company, tên viết tắt là TB GROUP., JSC; vốn điều lệ của Công ty là 31.533.390.000 đồng, tương ứng với 3.153.339 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu.

Trụ sở chính của Công ty tại tổ 4, phường Thạch Bàn, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng, vật liệu trang trí nội thất; sản phẩm cơ khí và các loại vật liệu khác;
- Nghiên cứu, đào tạo, chuyển giao công nghệ sản xuất vật liệu xây dựng;
- Thiết kế tổng mặt bằng, kiến trúc, nội ngoại thất đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp phục vụ ngành vật liệu xây dựng;
- Tư vấn đầu tư, giám sát, thi công các công trình xây dựng dân dụng, giao thông thủy lợi;
- Khai thác và kinh doanh khoáng sản;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu các lĩnh vực: Vật tư, nguyên liệu, nhiên liệu, phụ gia, hóa chất (trừ hóa chất Nhà nước cấm), thiết bị, phụ tùng khoáng sản và các mặt hàng khác;
- Kinh doanh dịch vụ thương mại;
- Kinh doanh lữ hành nội địa, quốc tế, các dịch vụ phục vụ khách du lịch;
- Đầu tư và kinh doanh bất động sản;
- Khai thác và chế biến nguyên nhiên vật liệu;
- Kinh doanh vận tải hàng hóa;
- Thiết kế kết cấu: Đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, nông nghiệp (kho, lán, trại, trạm).

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc Công ty

	<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Vốn góp</u>	<u>Tỷ lệ sở hữu</u>
A	Các công ty con			
1	Công ty Cổ phần Thạch Bàn Miền Bắc	Số 455 Nguyễn Văn Linh, P Phúc Đồng, Q.Long Biên, TP Hà Nội.	4.031.040.000	51%
2	Công ty Cổ phần Thạch Bàn Miền Trung	Số 149 Phan Chu Trinh, TP Hà Nội.	1.020.000.000	51%
3	Công ty Cổ phần Thạch Bàn Sài Gòn	Số 295 Lý Thường Kiệt, P.15, Q.11 TP Hồ Chí Minh.	3.162.000.000	51%
4	Công ty Cổ phần Bất động sản Thạch Bàn	Tổ 4, P.Thạch Bàn, Q.Long Biên, TP Hà Nội.	30.000.000.000	75%
5	Công ty TNHH Thạch Bàn	Thôn Thượng, xã An Châu, H.Sơn Động, tỉnh Bắc Giang.	7.500.000.000	100%

B Các công ty liên kết

Công ty Cổ phần Xây lắp Thạch Bàn	Tư vấn, thiết kế, xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, nhà ở và đô thị	1.400.000.000	28,00%
Công ty Cổ phần Thạch Bàn Yên Hưng	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	8.880.000.000	21,66%
Công ty Cổ phần Thạch Bàn Lương Sơn	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	5.000.000.000	33,33%
Công ty Cổ phần Hạ tầng Thạch Bàn	Thi công xây dựng hạ tầng khu công nghiệp, khu đô thị, khu dân cư.	1.000.000.000	20,00%
Công ty Cổ phần Thạch Bàn Đà Nẵng	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	1.650.000.000	33,33%
Công ty Cổ phần Thạch Bàn Đan Phượng	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2.887.500.000	20,44%
Công ty TNHH BĐS Thạch Bàn Lake side	Đầu tư kinh doanh Bất động sản	78.000.000.000	26,00%
Công ty Cổ phần Gạch ngói Thạch Bàn	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	7.000.000.000	31,39%

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Kể từ ngày 01/01/2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22/12/2014 (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC (“Thông tư 202”) hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Thông tư 200 và Thông tư 202 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01/01/2015 và thay thế cho các quy định về Chế độ kế toán doanh nghiệp được Bộ Tài chính ban hành tại Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 và phần XII Thông tư số 161/2007/TT-BTC. Theo đó, một số số liệu đầu năm trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2015 đã được phân loại lại để có thể so sánh được với số liệu tương ứng trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

2. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND)

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính được hợp nhất được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp; Thông tư số 202/2014/T - TBTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thạch Bàn (“ Công ty”) và báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó. Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa Công ty với các công ty con và giữa các công ty con được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại công ty mẹ và các công ty con khác là giống nhau.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh.

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Chuyển đổi ngoại tệ

Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ được thực hiện theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS) số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái và Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Trong năm, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày phát sinh hoặc tỷ giá ghi sổ kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) và chi phí tài chính (nếu lỗ). Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại được phản ánh vào chênh lệch tỷ giá hối đoái và số dư được kết chuyển sang doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ) tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán, bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, được ghi nhận phù hợp với quy định của chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ phải thu khó đòi

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng, xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác;
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm: Phải thu về lãi cho vay, lãi tiền gửi; các khoản đã chi hộ; các khoản bên nhận ủy thác xuất khẩu phải thu hộ cho bên giao ủy thác; phải thu về tiền phạt, bồi thường; các khoản tạm ứng; cầm cố, ký cược, ký quỹ, cho mượn tài sản...

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản phải thu để phân loại là phải thu dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ trên sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị giải thể, phá sản hay các khó khăn tương tự phù hợp với quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

Các khoản đầu tư tài chính**Đầu tư vào công ty liên kết**

Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết của Công ty được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong giá trị tài sản thuần của các Công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào Công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Công ty trong kết quả kinh doanh của Công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của Công ty trong lợi nhuận/(lỗ) của các Công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của các công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào các công ty liên kết. Cổ tức nhận được hoặc lợi nhuận được chia từ công ty liên kết được chuyển vào khoản đầu tư vào các công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của các công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và sử dụng chính sách kế toán nhất quán với Công ty.

BIÊN
CÔNG
CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN
THẠCH BÀN
BIÊN

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung (nếu có) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được xác định cho sản phẩm dở dang tại phân xưởng chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp. Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp trong chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được quy đổi theo mức độ hoàn thành tương đương. Chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung được tính hết vào giá thành sản phẩm nhập kho trong kỳ. Số lượng sản phẩm dở dang được xác định thông qua phương pháp kiểm kê.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, toàn bộ chi phí khác liên quan trực tiếp đến quá trình đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định do tự sản xuất hoặc tự xây dựng là chi phí sản xuất, xây dựng thực tế phát sinh cộng với chi phí cho việc lắp đặt và chi phí chạy thử.

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản phù hợp với khung khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Thời gian khấu hao cụ thể của các loại tài sản cố định như sau:

	Năm
Nhà cửa vật kiến trúc	15 - 25
Máy móc thiết bị	05 - 15
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	05 - 08

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế thể hiện giá trị quyền sử dụng đất, giá trị nhãn hiệu thương mại, phần mềm máy tính, cụ thể:

- Giá trị nhãn hiệu thương mại được trích khấu hao và phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 10 năm.
- Phần mềm máy tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian sử dụng ước tính là 3 năm.

134
 T Y
 Ắ N
 Đ Ắ N
 B Ắ N
 - TP
 05
 C Ộ
 H Ọ
 T Ệ
 Ắ N
 17

- Giá trị quyền sử dụng đất của Công ty tại số 455 đường Nguyễn Văn Linh, quận Long Biên, thành phố Hà Nội trong thời hạn 50 năm từ ngày 30/9/2010 nhằm mục đích xây dựng dự án Trung tâm thương mại Thạch Bàn. Giá trị quyền sử dụng đất được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh của Công ty kể từ khi dự án nói trên đưa vào sử dụng.

Tài sản cố định thuê tài chính và khấu hao

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá hoặc theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến tài sản cố định thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính là phương tiện vận tải được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính là 06 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí liên quan tới đầu tư xây dựng và chi phí lãi vay có liên quan trong thời kỳ đầu tư xây dựng cơ bản phù hợp với các quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Việc tính khấu hao của các tài sản được hình thành từ đầu tư xây dựng này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm: Phải trả về lãi vay; cổ tức và lợi nhuận phải trả; chi phí hoạt động đầu tư tài chính phải trả; các khoản phải trả do bên thứ ba chi hộ; các khoản tiền bên nhận ủy thác nhận của các bên liên quan để thanh toán theo chỉ định trong giao dịch ủy thác xuất nhập khẩu; mượn tài sản; phải trả về tiền phạt, bồi thường; tài sản phát hiện thừa chưa rõ nguyên nhân; phải trả về các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn; các khoản nhận ký cược, ký quỹ...

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản nợ phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn và đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo nguyên tắc như trình bày tại thuyết minh số 4 mục "chuyển đổi ngoại tệ"

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng xảy ra, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

Vay và nợ thuê tài chính

Vay và nợ thuê tài chính bao gồm: Các khoản đi vay, nợ thuê tài chính và vay vốn theo phương thức phát hành trái phiếu thường (không có quyền chuyển đổi).

Các khoản đi vay và nợ thuê tài chính được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng kế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ; theo kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính và theo nguyên tệ (nếu có). Các khoản có thời gian trả nợ còn lại trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo được

trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn. Các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo nguyên tắc như trình bày tại thuyết minh số 4 mục “chuyển đổi ngoại tệ”.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm: chi phí sửa chữa tài sản cố định chờ phân bổ và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thuế

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế có thể khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THẠCH BÀN**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Việc xác định số thuế phải nộp được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời. Tuy nhiên, không có bất kỳ tài sản hoặc công nợ thuế hoãn lại nào được ghi nhận tại ngày 31/12/2015 do không có khoản chênh lệch tạm thời trọng yếu nào giữa giá trị ghi sổ của tài sản và công nợ ghi nhận trên Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế tương ứng trong tương lai.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp theo luật định là 22% tính trên thu nhập chịu thuế. Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền mặt	2.271.562.224	1.033.812.653
Tiền gửi ngân hàng	18.917.256.659	6.747.578.586
Tiền đang chuyển	-	13.800.000
Các khoản tương đương tiền	3.885.000.000	-
Cộng	25.073.818.883	7.795.191.239

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	33.401.953.967	30.828.855.700
Công ty Cổ phần Thạch Bàn Yên Hưng	2.284.751.406	2.249.075.656
Công ty TNHH Giang Châu	2.016.120.951	2.467.535.161
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Phú Quang	2.951.155.523	4.513.971.390
Công ty cổ phần xây dựng thương mại Hoàng Lan Phát	3.523.578.722	-
Công ty TNHH Thương mại Khánh Sơn	730.950.499	33.939.038
Công ty Cổ phần xây dựng Sơn Thạch	923.926.264	-
Công ty Cổ phần Bạch Đằng	239.415.264	1.972.685.440
Công ty Cổ phần xây lắp Chợ Lớn	3.017.972.865	21.654.864
Công ty TNHH Thương mại xuất nhập khẩu Lan Thảo	2.067.870.315	-
Phải thu khách hàng khác	15.646.212.158	19.569.994.151
Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-
Cộng	33.401.953.967	30.828.855.700

Phải thu khách hàng là các bên liên quan

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Công ty Cổ phần Thạch Bàn Yên Hưng	2.284.751.406	2.249.075.656
Công ty Cổ phần Gạch ngói Thạch Bàn	-	725.845.927
Công ty Cổ phần Xây lắp Thạch Bàn	-	716.142.498

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THẠCH BÀN**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Ngắn hạn	4.754.000.000	4.754.000.000
Công ty Cổ phần Thạch Bàn Yên Hưng	4.550.000.000	4.550.000.000
Nguyễn Phương Thảo	204.000.000	204.000.000
Dài hạn	-	-
Cộng	4.754.000.000	4.754.000.000

Phải thu về cho vay ngắn hạn với bên liên quan

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Công ty Cổ phần Thạch Bàn Yên Hưng	4.550.000.000	4.550.000.000

8. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	58.410.727.014	-	8.350.174.408	-
- Công ty Cổ phần Gạch ngói Thạch Bàn (*)	15.506.651.497	-	200.000.000	-
- Phải thu về tiền lãi vay liên quan đến hợp đồng vay 70,2 tỷ	3.162.139.500	-	-	-
- Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Yên Dũng - Nham Sơn (**)	32.145.829.980	-	-	-
- Phải thu khác	2.201.560.010	-	-	-
- Tạm ứng	5.394.546.027	-	8.150.174.408	-
Dài hạn	226.125.120	-	226.125.120	-
- Ký cược, ký quỹ	226.125.120	-	226.125.120	-
Cộng	58.636.852.134	-	8.576.299.528	-

(*) Là số tiền Công ty ứng cho Công ty Cổ phần Gạch ngói Thạch Bàn để thực hiện di dời nhà máy của Công ty Cổ phần Gạch ngói Thạch Bàn từ tổ 4, phường Thạch Bàn, Hà Nội lên Bắc Giang.

(**) Là số tiền Công ty ứng cho Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Yên Dũng - Nham Sơn để thực hiện hỗ trợ, đền bù giải phóng mặt bằng cụm Công nghiệp Nham Sơn - Yên Lữ huyện Yên Dũng tương ứng diện tích Công ty Cổ phần Tập đoàn Thạch Bàn thực hiện dự án theo phương án Giải phóng mặt bằng Cụm Công nghiệp đã được huyện Yên Dũng phê duyệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THẠCH BÀN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

9. NỢ XẤU

Thời gian quá hạn	31/12/2015				01/01/2015			
	Năm	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	
		VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Thương mại Long Liễu	Trên 3 năm	28.468.315	-	(28.468.315)	28.468.315	-	(28.468.315)	
Công ty TNHH Đá Granite Thuỷ Trang	Trên 3 năm	6.930.428	-	(6.930.428)	6.930.428	-	(6.930.428)	
Công ty CP Thương mại Vật tư và Việt Hoàng	Trên 3 năm	81.249.734	-	(81.249.734)	81.249.734	81.249.734	-	
Công ty Cổ phần sản xuất Vật liệu Xây dựng Tự	Trên 3 năm	18.500.000	18.500.000	-	18.500.000	18.500.000	-	
Đại lý ký quỹ Thái Bình Vũng Tàu - chi nhánh	Trên 3 năm	71.715.011	71.715.011	-	71.715.011	71.715.011	-	
Công ty TNHH Tân Thành Đạt	Từ 1-2 năm	3.350.413	3.350.413	-	3.350.413	3.350.413	-	
Công ty TNHH Trần Gia Vương	Trên 3 năm	211.603.828	211.603.828	-	211.603.828	211.603.828	-	
Doanh nghiệp tư nhân Vật liệu Xây dựng Liêm	Từ 1-2 năm	52.928.950	52.928.950	-	52.928.950	52.928.950	-	
Công trình Hồng Thái - Hà Bắc	Trên 3 năm	403.763.633	403.763.633	-	403.763.633	403.763.633	-	
Công ty TNHH Dương Hưng	Trên 3 năm	314.318.000	-	(314.318.000)	314.318.000	-	(314.318.000)	
Công ty CP TMMT và Du lịch Việt Hoàng	Trên 3 năm	219.068.648	219.068.648	-	219.068.648	219.068.648	-	
Công ty Cổ phần Xây dựng số 2	Từ 1-2 năm	221.434.922	221.434.922	-	-	-	-	
Công ty TNHH xây dựng TASCO Hà Đông	Từ 2-3 năm	333.138.312	99.941.494	(233.196.818)	333.138.312	166.569.156	(166.569.156)	
Công ty Cổ phần Nhất Sơn	Từ 2-3 năm	275.605.644	82.681.693	(192.923.951)	275.605.644	135.048.483	(140.557.161)	
Công ty Đầu tư và Phát triển Nhà Hà Nội 22	Trên 3 năm	118.481.933	-	(118.481.933)	118.481.933	-	(118.481.933)	
Công ty Đầu tư xây dựng và XNK Hà Nội	Trên 3 năm	64.720.090	-	(64.720.090)	64.720.090	-	(64.720.090)	
Doanh nghiệp tư nhân Minh Thành	Trên 3 năm	68.882.528	-	(68.882.528)	68.882.528	3.496.370	(65.386.158)	
Công ty TNHH TM và DV Triển Phú	Trên 3 năm	53.301.697	-	(53.301.697)	53.301.697	-	(53.301.697)	
Công ty CP Thạch Bàn Yên Hưng	Từ 2-3 năm	28.855.556	28.855.556	-	28.855.556	28.855.556	-	
Công ty CP Tư vấn và Đầu tư Châu Á	Từ 2-3 năm	12.000.000	12.000.000	-	12.000.000	12.000.000	-	
Ông Nguyễn Gia Chiếu	Từ 2-3 năm	40.000.000	40.000.000	-	40.000.000	40.000.000	-	
Ông Đinh Quang Hùng	Từ 2-3 năm	1.103.633.167	1.103.633.167	-	1.103.633.167	1.103.633.167	-	
Ông Nguyễn Trọng Kiên	Từ 2-3 năm	1.335.550.142	1.335.550.142	-	1.335.550.142	1.335.550.142	-	
Các đối tượng khác	Từ 1-2 năm; trên 3 năm	1.420.188.308	675.893.916	(744.294.393)	1.548.582.390	1.958.589.354	(410.006.964)	
Cộng		6.487.689.259	4.580.921.373	(1.906.767.887)	6.394.648.419	5.845.922.445	(1.368.739.902)	

Mặc dù một số khoản nợ Công ty đã quá hạn thanh toán, nhưng Công ty đang tiếp tục liên hệ và thực hiện các công việc khác phục vụ các hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó Ban Giám đốc Công ty đánh giá các khoản nợ quá hạn trên không cần trích lập dự phòng phải thu khó đòi.



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THẠCH BÀN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

10. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn	78.706.906.865	1.096.284.748	77.815.108.590	879.715.947
Hàng đang đi trên đường	5.620.717.345	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	18.031.668.343	-	19.841.976.741	-
Công cụ, dụng cụ	59.991.022	-	124.825.296	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang ngắn hạn	12.865.457.440	-	9.416.467.108	-
Thành phẩm	15.008.360.331	-	24.063.374.231	-
Hàng hóa	27.120.712.384	1.096.284.748	24.368.465.214	879.715.947
Dài hạn	1.550.452.248	-	1.500.750.432	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	1.550.452.248	-	1.500.750.432	-
Cộng	80.257.359.113	1.096.284.748	79.315.859.022	879.715.947

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Ngắn hạn	895.677.607	4.344.810.371
Chi phí sửa chữa	292.922.834	2.016.835.121
Công cụ dụng cụ	96.860.620	334.741.918
Chi phí quảng cáo	-	492.743.480
Chi phí khác	505.894.153	1.500.489.852
Dài hạn	853.725.448	681.041.261
Chi phí sửa chữa	416.818.546	661.289.315
Công cụ dụng cụ	212.982.638	-
Chi phí khác	223.924.264	19.751.946
Cộng	1.749.403.055	5.025.851.632

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Dự án di dời - Tổ 4 phường Thạch Bàn	2.530.844.844	1.365.681.517
Dự án Thạch Bàn Bắc Giang - Tiền Phong	25.348.494.796	23.728.756.838
Khu nhà ở CBCNV - Bắc Giang	-	392.779.000
Trung tâm Thương mại Thạch Bàn tại đường 5	12.650.768.815	12.650.768.815
Dự án Thạch Bàn Bắc Giang - Nham Sơn	4.772.145.360	-
Sửa chữa trạm biến áp, bùồng đốt dầu điều	-	322.456.654
Dự án di dời nhà máy gạch Granite	-	4.740.000
Cộng	45.302.253.815	38.465.182.824

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Phương tiện vận tải VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày 01/01/2015	1.008.863.868	1.008.863.868
Tại ngày 31/12/2015	<u>1.008.863.868</u>	<u>1.008.863.868</u>
HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại ngày 01/01/2015	437.454.374	437.454.374
Khấu hao trong năm	168.143.976	168.143.976
Tại ngày 31/12/2015	<u>605.598.350</u>	<u>605.598.350</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2015	571.409.494	571.409.494
Tại ngày 31/12/2015	<u>403.265.518</u>	<u>403.265.518</u>

14. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Giá trị thương hiệu VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2015	6.148.305.000	3.220.000.000	386.000.000	9.754.305.000
Tăng trong năm	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2015	<u>6.148.305.000</u>	<u>3.220.000.000</u>	<u>386.000.000</u>	<u>9.754.305.000</u>
HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2015	-	2.917.499.965	386.000.000	3.303.499.965
Khấu hao trong năm	-	302.500.035	-	302.500.035
Tại ngày 31/12/2015	<u>-</u>	<u>3.220.000.000</u>	<u>386.000.000</u>	<u>3.606.000.000</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2015	<u>6.148.305.000</u>	<u>302.500.035</u>	<u>-</u>	<u>6.450.805.035</u>
Tại ngày 31/12/2015	<u>6.148.305.000</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>6.148.305.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THẠCH BÀN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B-09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

15. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại 01/01/2015	32.445.200.948	164.426.158.195	11.100.668.180	503.505.273	208.475.532.596
Tăng trong năm	-	1.570.739.825	7.110.883.636	-	8.681.623.461
Mua sắm mới	-	1.570.739.825	7.110.883.636	-	8.681.623.461
Tăng khác	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	8.408.090.426	185.968.182	-	8.594.058.608
Thanh lý	-	8.408.090.426	185.968.182	-	8.594.058.608
Tại 31/12/2015	<u>32.445.200.948</u>	<u>157.588.807.594</u>	<u>18.025.583.634</u>	<u>503.505.273</u>	<u>208.563.097.449</u>
KHẤU HAO LŨY KẾ					
Tại 01/01/2015	21.146.658.719	139.718.511.016	7.517.317.999	457.433.363	168.839.921.097
Tăng trong năm	1.305.561.953	5.149.271.831	1.166.749.425	27.548.172	7.649.131.381
Khấu hao trong năm	1.305.561.953	5.149.271.831	1.166.749.425	27.548.172	7.649.131.381
Giảm trong năm	-	8.371.667.434	99.063.558	-	8.470.730.992
Thanh lý	-	8.371.667.434	99.063.558	-	8.470.730.992
Tại 31/12/2015	<u>22.452.220.672</u>	<u>136.496.115.413</u>	<u>8.585.003.866</u>	<u>484.981.535</u>	<u>168.018.321.486</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2015	<u>11.298.542.229</u>	<u>24.707.647.179</u>	<u>3.583.350.181</u>	<u>46.071.910</u>	<u>39.635.611.499</u>
Tại 31/12/2015	<u>9.992.980.276</u>	<u>21.092.692.181</u>	<u>9.440.579.768</u>	<u>18.523.738</u>	<u>40.544.775.963</u>
<i>Nguyên giá TSCĐ hữu hình hết khấu hao vẫn sử dụng</i>	3.411.909.813	119.993.661.741	3.699.883.259	420.860.727	127.526.315.540

Nguyên giá Tài sản cố định hữu hình đã dùng để đảm bảo cho các khoản vay của các ngân hàng tại 31/12/2015 là 195.113.782.507 đồng với giá trị còn lại tại 31/12/2015 là 34.672.818.642 đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THẠCH BÀN**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

MẪU SỐ B 09-ĐN/HN

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***16. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	31/12/2015			01/01/2015		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	105.817.500.000	-	105.817.500.000	20.817.500.000	-	20.817.500.000
Công ty CP Thạch Bàn Đan Phượng	2.887.500.000	-	2.887.500.000	2.887.500.000	-	2.887.500.000
Công ty CP Xây lắp Thạch Bàn	1.400.000.000	-	1.400.000.000	1.400.000.000	-	1.400.000.000
Công ty CP Thạch Bàn Yên Hưng	8.880.000.000	-	8.880.000.000	8.880.000.000	-	8.880.000.000
Công ty CP Thạch Bàn Lương Sơn	5.000.000.000	-	5.000.000.000	5.000.000.000	-	5.000.000.000
Công ty CP Hạ tầng Thạch Bàn	1.000.000.000	-	1.000.000.000	1.000.000.000	-	1.000.000.000
Công ty CP Thạch Bàn Đà Nẵng	1.650.000.000	-	1.650.000.000	1.650.000.000	-	1.650.000.000
Công ty TNHH BĐS Thạch Bàn Lake side	78.000.000.000	-	78.000.000.000	-	-	-
Công ty CP Gạch ngói Thạch Bàn	7.000.000.000	-	7.000.000.000	-	-	-
Kết quả thuần từ hoạt động đầu tư vào công ty liên kết	364.963.546	-	364.963.546	(5.989.887.440)	-	(5.989.887.440)
Cộng đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	106.182.463.546	-	106.182.463.546	14.827.612.560	-	14.827.612.560
Đầu tư vào đơn vị khác	2.700.000.000	-	2.700.000.000	2.700.000.000	-	2.700.000.000
Công ty Cổ phần Gốm xây dựng Ba Triệu (*)	2.700.000.000	-	2.700.000.000	2.700.000.000	-	2.700.000.000
Cộng đầu tư tài chính dài hạn	108.882.463.546	-	108.882.463.546	17.527.612.560	-	17.527.612.560

(*) Đầu tư dài hạn khác là khoản góp vốn vào Công ty Cổ phần Gốm xây dựng Ba Triệu, là Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất gạch ngói, đất sét nung có vốn điều lệ 15 tỷ đồng tương ứng với 150.000 cổ phần. Công ty Cổ phần Tập đoàn Thạch Bàn nắm giữ 20.000 cổ phần, chiếm 13,33% vốn điều lệ.

T.C.P & Q.Đ.

11/8/2015

M.S.D.N.

Thông tin về ngành nghề sản xuất kinh doanh của các công ty liên kết

	<u>Vốn điều lệ</u>	<u>Tỉ lệ sở hữu %</u>	<u>Hoạt động sản xuất kinh doanh chính</u>
Công ty Cổ phần Xây lắp Thạch Bàn	5.000.000.000	28,00%	Tư vấn, thiết kế, xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, nhà ở và đô thị
Công ty Cổ phần Thạch Bàn Yên Hưng	41.000.000.000	21,66%	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét
Công ty Cổ phần Thạch Bàn Lương Sơn	15.000.000.000	33,33%	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét
Công ty Cổ phần Hạ tầng Thạch Bàn	5.000.000.000	20,00%	Thi công xây dựng hạ tầng khu công nghiệp, khu đô thị, khu dân cư.
Công ty Cổ phần Thạch Bàn Đà Nẵng	15.000.000.000	33,33%	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét
Công ty Cổ phần Thạch Bàn Đan Phượng	15.900.000.000	20,44%	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét
Công ty TNHH BDS Thạch Bàn Lake side	300.000.000.000	26,00%	Đầu tư kinh doanh Bất động sản
Công ty Cổ phần Gạch ngói Thạch Bàn	22.300.000.000	31,39%	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	<u>31/12/2015</u>		<u>01/01/2015</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phải trả người bán ngắn hạn	36.565.450.545	36.565.450.545	40.144.170.932	40.144.170.932
Công ty Cổ phần Điện khí Trường Thành	7.476.636.063	7.476.636.063	4.816.231.928	4.816.231.928
Công ty Cổ phần Gạch ngói Thạch Bàn	209.902.192	209.902.192	2.060.978.668	2.060.978.668
Công ty CP vận tải biển VINAFCO	-	-	394.400.000	394.400.000
Phải trả người bán khác	28.878.912.290	28.878.912.290	32.872.560.336	32.872.560.336
Phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
Cộng	36.565.450.545	36.565.450.545	40.144.170.932	40.144.170.932

Phải trả người bán là các bên liên quan

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty Cổ phần Gạch ngói Thạch Bàn	209.902.192	2.060.978.668
Công ty Cổ phần Xây lắp Thạch Bàn	26.833.429	435.904.119
Công ty Cổ phần Hạ tầng Thạch Bàn	936.401.091	936.401.091
Công ty Cổ phần Thạch Bàn Yên Hưng	-	28.939.944

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ NHÀ NƯỚC

	01/01/2015	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2015
	VND	VND	VND	VND
Thuế GTGT trong nước	1.624.621.848	22.917.458.340	22.564.404.349	1.977.675.839
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	(2.000)	2.058.664.475	2.058.662.475	-
Thuế xuất nhập khẩu	2.310.256	592.720.276	629.470.357	(34.439.825)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	954.840.542	1.216.902.967	1.501.014.406	637.250.118
Thuế thu nhập cá nhân	447.898.793	699.748.460	544.055.619	603.591.634
Thuế tài nguyên	2.902.800	21.063.840	21.544.260	2.422.380
Thuế nhà đất	13.055.298.146	6.541.155.294	3.943.425.569	15.653.027.871
Các loại thuế khác	27.811.854	170.091.420	157.483.064	40.420.210
Phí, lệ phí, các khoản phải nộp khác	1.344.250.653	1.814.277.521	110.385	3.158.417.789
Cộng	17.459.932.892	36.032.082.593	31.420.170.484	22.038.366.016
<i>Thuế và các khoản phải nộp nhà nước</i>	<i>17.459.934.892</i>			<i>22.072.805.841</i>
<i>Thuế và các khoản phải thu nhà nước</i>	<i>2.000</i>			<i>34.439.825</i>

19. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Ngắn hạn	7.305.864.343	9.403.835.325
- Tài sản thừa chờ giải quyết	80.935.576	50.197.838
- Kinh phí công đoàn	470.387.633	521.090.488
- Bảo hiểm xã hội	3.925.327.057	4.884.349.747
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.613.299.680	667.416.716
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	220.400.000	-
- Đoàn phí công đoàn	475.030.686	396.031.336
- Nguồn kinh phí hội đồng Giám đốc	341.441.140	195.941.140
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	179.042.571	2.688.808.060
Dài hạn	68.047.390.686	19.403.068.769
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	3.180.496	3.180.496
- Công ty CP Gạch ngói Thạch Bàn	14.221.174.999	14.000.000.000
- Công ty TNHH Bất động sản Thạch Bàn Lakeside	52.000.000.000	-
- Tiền cổ tức 2007, 2008, 2010 phải trả	115.044.800	115.044.800
- Phải trả dài hạn khác	1.707.990.391	5.284.843.473
Cộng	75.353.255.029	28.806.904.094

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THẠCH BÀN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

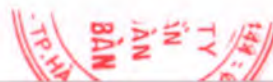
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B-09-DN/HN

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Vay ngắn hạn

	31/12/2015		Trong năm		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - chi nhánh Gia Lâm (1)	24.459.657.806	24.459.657.806	52.202.149.064	47.426.008.279	19.683.517.021	19.683.517.021
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc Hà Nội (2)	13.189.869.106	13.189.869.106	63.280.891.813	78.505.712.401	28.414.689.694	28.414.689.694
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Hà Nội - Chi nhánh Chương Dương (3)	35.947.789.135	35.947.789.135	42.686.818.953	21.737.458.221	14.998.428.403	14.998.428.403
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex (4)	14.999.659.441	14.999.659.441	29.790.338.578	28.582.740.183	13.792.061.046	13.792.061.046
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh Thăng Long (5)	9.980.588.538	9.980.588.538	27.900.953.069	25.937.451.128	8.017.086.597	8.017.086.597
Vay dài hạn đến hạn trả : Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT - Chi nhánh Gia Lâm (6)	6.870.866	6.870.866	2.360.000.000	2.353.129.134	-	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thành Đô	-	-	16.014.000.000	18.399.000.000	2.385.000.000	2.385.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hải Châu (7)	10.759.000.000	10.759.000.000	48.542.282.472	48.133.282.472	10.350.000.000	10.350.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương - CN Đà Nẵng	-	-	-	700.000.000	700.000.000	700.000.000
Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Đà Nẵng	-	-	1.840.000.000	1.840.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công thương - Chi nhánh Tân Bình	-	-	-	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Sài Gòn (8)	5.000.000.000	5.000.000.000	11.220.000.000	6.220.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Chợ Lớn (9)	106.668.000	106.668.000	106.668.000	231.668.000	231.668.000	231.668.000
Vay cá nhân (10)	12.070.945.000	12.070.945.000	30.880.991.200	23.093.083.135	4.283.036.935	4.283.036.935
Cộng vay ngắn hạn	126.521.047.892	126.521.047.892	326.825.093.149	305.159.532.953	104.855.487.696	104.855.487.696



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THẠCH BÀN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B-09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Vay dài hạn

	31/12/2015		Trong năm		01/01/2015	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ
		VND				VND
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Gia Lâm (11)	5.025.779.700	5.025.779.700	-	2.360.000.000	7.385.779.700	7.385.779.700
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Bắc Hà Nội (12)	1.420.510.000	1.420.510.000	1.894.000.000	473.490.000	-	-
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (13)	104.130.161.422	104.130.161.422	123.953.115.422	19.822.954.000	-	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Hà Nội - Chi nhánh Chương Dương (14)	2.940.000.000	2.940.000.000	2.940.000.000	-	-	-
Công ty TNHH Đầu tư và kinh doanh Bất động sản Khu Đông (15)	7.800.000.000	7.800.000.000	7.800.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Gạch ngói Thạch Bàn (16)	7.500.000.000	7.500.000.000	7.500.000.000	-	-	-
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hải Châu (17)	120.000.000	120.000.000		180.000.000	300.000.000	300.000.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Chợ Lớn (18)	88.886.000	88.886.000	-	106.668.000	195.554.000	195.554.000
Các đối tượng khác (19)	8.365.477.523	8.365.477.523	2.287.908.947	1.090.357.330	7.167.925.906	7.167.925.906
Cộng vay dài hạn	137.390.814.645	137.390.814.645	146.375.024.369	24.033.469.330	15.049.259.606	15.049.259.606



Thông tin về các khoản vay ngắn hạn

- (1) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Gia Lâm bao gồm 2 hợp đồng:
 - Công ty Cổ phần Thạch Bàn Miền Bắc vay ngắn hạn theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 3120LAV201501737 ngày 10/11/2015 với hạn mức tín dụng là 10 tỷ đồng nhằm bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Thời hạn cấp hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng. Tài sản đảm bảo cho khoản vay theo hợp đồng thế chấp tài sản số 0115/HĐTC ngày 28/10/2015 là xe ô tô tải Pickup Cabin kép hiệu Toyota Hilux, BKS 29C-316.18 có nguyên giá là 625.467.273 đồng, giá trị còn lại tại ngày 31/12/2015 là 471.622.502 đồng và xe bán tải hiệu Ford, BKS 29N-6608 có nguyên giá là 303.112.933 đồng, giá trị còn lại tại ngày 31/12/2015 là 0 đồng;
 - Công ty Cổ phần Tập đoàn Thạch Bàn (Công ty mẹ) vay theo Hợp đồng tín dụng số 3120LAV201301187 ngày 27/11/2013 để đầu tư dây chuyền máy in kỹ thuật số. Lãi suất vay tại thời điểm ban đầu là 12,5%/năm, điều chỉnh 03 tháng/1 lần, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất tại thời điểm đến hạn. Thời hạn khoản vay là 46 tháng (trong đó thời hạn trả nợ là 41 tháng và ân hạn 05 tháng), lãi vay trả 3 tháng /1 lần, trả lãi vào ngày cuối của tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản được hình thành từ vốn vay với tổng giá trị là khoảng 11,7 tỷ đồng. Khoản vay dài hạn đến hạn trả tại ngày 31/12/2015 là 6.780.866 đồng.
- (2) Khoản vay của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thạch Bàn với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc Hà Nội theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2015/40259/HĐTDHM ngày 30/6/2015 với hạn mức là 32 tỷ đồng bao gồm dư nợ vay ngắn hạn Việt Nam đồng và ngoại tệ quy đổi, dư chiết khấu và dư L/C nhằm bổ sung vốn lưu động. Thời hạn vay và lãi suất theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể nhưng tối đa không quá 06 tháng. Khoản vay được bảo đảm bằng các máy móc thiết bị và phương tiện vận tải của Công ty; toàn bộ nguồn thu bán hàng, số dư tài khoản tiền gửi bằng VND và ngoại tệ của bên vay tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Bắc Hà Nội;
- (3) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương theo Hợp đồng tín dụng số 01/15/HM-VCB.CD-TBG ngày 29/6/2015 và phụ lục hợp đồng số 01 ngày 06/11/2015 với hạn mức 40 tỷ đồng nhằm bổ sung vốn lưu động. Thời hạn vay và lãi suất theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể nhưng tối đa không quá 08 tháng. Khoản vay được bảo đảm bằng quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất tại số 295 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11 thành phố Hồ Chí Minh với giá trị tài sản thế chấp là 4.996.000.000 đồng.
- (4) Khoản vay Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Thăng Long theo Hợp đồng hạn mức cấp tín dụng số 628/2015/HĐTDHM-DN/PGBankTL ngày 28/4/2015 với hạn mức là 15 tỷ đồng nhằm bổ sung vốn lưu động. Thời hạn cho vay của từng khoản vay theo hạn mức tối đa không quá 06 tháng. Lãi suất khoản vay được ghi nhận trên giấy nhận nợ tương ứng. Khoản vay được bảo đảm bằng dây chuyền máy móc thiết bị, phương tiện vận tải của Công ty và toàn bộ thành phẩm gạch ốp lát trong kho của Công ty tại kho Z735, quốc lộ 1A, phường Đông Hưng Thuận, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh.
- (5) Khoản vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (SHB) - Chi nhánh Thăng Long theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 01/2015/HĐHM-PN/SHB.110208 ngày 20/01/2012 với hạn mức tín dụng là 10 tỷ đồng. Khoản vay dùng để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh. Thời hạn cấp hạn mức là 12 tháng. Thời hạn và lãi suất được quy định cụ thể trong từng kế ước nhận nợ nhưng thời hạn mỗi kế ước không quá 6 tháng. Khoản vay được bảo đảm bằng các khoản phải thu từ bán hàng cho Công ty Cổ phần Thạch Bàn Miền Bắc và Công ty Cổ phần Thạch Bàn Miền Trung.
- (6) Khoản vay dài hạn đến hạn trả Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn - Chi nhánh Gia Lâm của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thạch Bàn được trình bày tại thuyết minh số (11) dưới đây;
- (7) Khoản vay của Công ty Cổ phần Thạch Bàn Miền Trung theo hợp đồng tín dụng số 2001-LAV-201301043 ký ngày 15/08/2013 với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Hải Châu. Số tiền vay 600.0000.000 đồng. Mục đích sử dụng vốn vay là mua xe ô tô Toyota Fortuner V (mới 100%). Giải ngân từng lần theo giấy nhận nợ/phụ lục hợp đồng tín dụng. Thời hạn vay 50 tháng kể từ ngày 15/08/2013. Lãi suất áp dụng là lãi suất biến đổi, thay đổi theo lãi suất cho vay do Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Hải Châu công bố từng thời điểm. Mỗi năm điều chỉnh 2 lần vào ngày 30/06 và 31/12. Mức lãi suất tại thời điểm ký kết là 12%/năm, lãi suất cho vay quy định cụ thể trong từng giấy nhận nợ. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay. Khoản vay không có tài sản đảm bảo;

- (8) Khoản vay của Công ty Cổ phần Thạch Bàn Sài Gòn theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 01/2015/6742737/HĐTD ngày 04/02/2015 với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Sài Gòn. Hạn mức cho vay 8 tỷ đồng, nhằm bổ sung vốn lưu động. Thời hạn vay theo từng kế ước nhận nợ, tối đa là 06 tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản của bên thứ ba và 01 xe ô tô của Công ty.
- (9) Khoản vay dài hạn đến hạn trả của Công ty Cổ phần Thạch Bàn Sài Gòn vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Chợ Lớn, được trình bày ở thuyết minh số 18 dưới đây.
- (10) Vay các cá nhân là cán bộ, nhân viên trong Công ty bao gồm khoản vay cá nhân ngắn hạn tại Công ty Cổ phần Thạch Bàn Sài Gòn 11.070.945.000 đồng và Công ty Cổ phần Thạch Bàn Miền Bắc là 1.000.000.000 đồng, với thời hạn vay từ 01 - 06 tháng và không có lãi suất. Các khoản vay theo hình thức tín chấp và không có tài sản đảm bảo.

Thông tin về các khoản vay dài hạn

- (11) Khoản vay của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thạch Bàn với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Gia Lâm theo Hợp đồng tín dụng số 3120-LAV-201400675 ngày 07/07/2014 và Phụ lục hợp đồng số 3120 - LAV - 201400675-1 ngày 07/07/2015 với hạn mức tín dụng 20 tỷ đồng nhằm bổ sung vốn lưu động. Lãi suất và thời hạn cho vay cụ thể của mỗi lần giải ngân trên từng giấy nhận nợ nhưng thời hạn mỗi giấy nhận nợ tối đa là 06 tháng. Khoản vay được bảo đảm bằng Quyền sử dụng đất (mang tên bà Nguyễn Thị Huệ Anh và ông Phạm Đức Phú) và toàn bộ dây chuyền máy móc sản xuất gạch Granite số 02.
- (12) Khoản vay của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thạch Bàn với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc Hà Nội theo hợp đồng vay vốn số 150/2015/HĐTD ngày 31/3/2015, với mục đích đầu tư 1 xe ô tô Toyota Landcruiser 08 chỗ. Lãi suất vay tại thời điểm ban đầu là 9,8%/năm với thời hạn vay 36 tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay với tổng trị giá khoảng 2,3 tỷ đồng.
- (13) Khoản vay của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thạch Bàn với Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng bao gồm hai hợp đồng vay:
 - Hợp đồng tín dụng số 70.2TY/HĐTD/VPB-THACHBANTĐ ngày 19/05/2015 với mục đích góp vốn vào Công ty TNHH Bất động sản Thạch Bàn Lakeside. Thời hạn vay 36 tháng, lãi suất cho vay theo từng lần nhận nợ và điều chỉnh 03 tháng/1 lần. Khoản vay được đảm bảo bằng phần vốn góp vào Công ty TNHH Bất động sản Thạch Bàn Lakeside. Tại thời điểm 31/12/2015, các khoản vay có lãi suất từ 11,45%/năm đến 11,65%/năm;
 - Hợp đồng tín dụng số 100TY/HĐTD/VPB-THACHBANTD ngày 17/06/2015 với mục đích hỗ trợ giải phóng mặt bằng (GPMB) cho Công ty Cổ phần Gạch ngói Thạch Bàn, tài trợ chi phí GPMB, chi phí san lấp, chi phí hạ tầng kỹ thuật. Khoản vay có thời hạn 5 năm, lãi suất vay theo từng lần nhận nợ và điều chỉnh 03 tháng/1 lần. Tại thời điểm 31/12/2015 các khoản vay có lãi suất là 11,5%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành trong tương lai gồm máy móc thiết bị, nhà xưởng và tài sản khác được hình thành từ dự án.
- (14) Khoản vay của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thạch Bàn với Ngân hàng TMCP Ngoại thương - Chi nhánh Chương Dương theo hợp đồng số 01/15/OTO VCB.CD-TBG ngày 26/11/2015. Mục đích khoản vay để bù đắp một phần giá trị mua ô tô con nhãn hiệu BMW750Li biển số 30A- 903.05.

Thời hạn vay 60 tháng, lãi suất trong 2 năm đầu là 8,49%/năm. Thời gian còn lại của khoản vay theo lãi suất trung và dài hạn áp dụng đối với khách hàng bán buôn theo thông báo của Vietcombank tại thời điểm áp dụng. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay trị giá 3,8 tỷ đồng;

- (15) Khoản vay của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thạch Bàn với Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Khu Đông theo hợp đồng vay vốn ngày 23/3/2015, số tiền vay là 7.800.000.000 đồng. Mục đích khoản vay là để góp vốn vào Công ty TNHH Bất động sản Thạch Bàn Lakeside. Thời hạn vay 24 tháng kể từ ngày thực hiện góp vốn. Lãi suất theo lãi suất tiền gửi tiết kiệm 12 tháng của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng. Tài sản đảm bảo là giá trị vốn góp của Tập đoàn Thạch Bàn tại Công ty TNHH Bất động sản Thạch Bàn Lakeside.
- (16) Khoản vay của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thạch Bàn với Công ty Cổ phần Gạch ngói Thạch Bàn nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh và không có tài sản đảm bảo. Khoản vay bao gồm hai hợp đồng tín dụng số 06-10/2015 số tiền 1,5 tỷ đồng có thời hạn vay từ 06/10/2015 đến 06/10/2017, lãi suất 9%/năm và Hợp đồng tín dụng số 15-09/2015/HĐVV-TBI ngày 15/9/2015 số tiền 6 tỷ đồng, thời hạn vay từ 15/9/2015 đến 15/9/2017. Lãi suất theo lãi suất Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng;
- (17) Khoản vay của Công ty Cổ phần Thạch Bàn Sài Gòn với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hải Châu theo hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 2001-LAV-201500831 ngày 15/6/2015. Tổng hạn mức tín dụng được cấp là 10.500.000.000 đồng. Thời hạn hiệu lực của hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng là 7%/năm, mức lãi suất cho vay cụ thể sẽ được ghi trên giấy nhận nợ. Phụ lục hợp đồng tín dụng số 2001-LAV-20150831 ngày 09/10/2015 điều chỉnh tổng mức cấp tín dụng tối đa là 12.500.000.000 đồng, điều chỉnh thời hạn hiệu lực của hợp đồng đến hết ngày 15/6/2016, riêng đối với hạn mức tín dụng tăng thêm chỉ có hiệu lực đến hết ngày 15/4/2016. Thời hạn cho vay đối với các khoản vay không có tài sản đảm bảo là không quá 6 tháng kể từ ngày nhận nợ.
- (18) Vay các đối tượng khác của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thạch Bàn là các cá nhân nhằm bổ sung vốn lưu động với thời hạn 24 tháng, lãi suất vay từ 9,45%/năm đến 10,5%/năm và không có tài sản đảm bảo;
- (19) Khoản vay của Công ty Cổ phần Thạch Bàn Sài Gòn theo hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số LD427900004 ngày 06/10/2014 với Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Chợ Lớn, số tiền vay ban đầu là 320 triệu đồng. Mục đích vay: mua xe ô tô tải, với thời hạn vay 36 tháng kể từ ngày giải ngân. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay;
- (20) Khoản vay các đối tượng khác tại Công ty Cổ phần Tập đoàn Thạch Bàn là các cá nhân nhằm bổ sung vốn lưu động với thời hạn 24 tháng, lãi suất vay từ 9,45%/năm đến 10,5%/năm và không có tài sản đảm bảo.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THẠCH BÀN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Chênh lệch đánh giá lại tài sản VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	LNST chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2014	31.533.390.000	-	837.104.207	13.977.931.023	1.032.272.524	(17.626.472.548)	29.754.225.206
Tăng trong năm	-	-	-	122.202	129.353.399	(484.297.505)	(354.821.904)
Trích từ lợi nhuận	-	-	-	-	129.353.399	-	129.353.399
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	(1.900.002.423)	(1.900.002.423)
Tăng khác	-	-	-	122.202	-	1.415.704.918	1.415.827.120
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	751.125.359	751.125.359
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	162.325.359	162.325.359
Chia cổ tức bằng tiền	-	-	-	-	-	588.800.000	588.800.000
Tại ngày 31/12/2014	31.533.390.000	-	837.104.207	13.978.053.225	1.161.625.923	(18.861.895.412)	28.648.277.943
Phân loại lại theo Thông tư 200	-	-	-	1.161.625.923	(1.161.625.923)	-	-
Tại ngày 01/01/2015	31.533.390.000	-	837.104.207	15.139.679.148	-	(18.861.895.412)	28.648.277.943
Tăng trong năm	-	94.170.000	-	7.219.074.487	-	4.599.503.606	11.912.748.093
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	2.693.925.919	2.693.925.919
Trích lập các quỹ	-	94.170.000	-	1.477.719.460	-	-	1.571.889.460
Tăng khác	-	-	-	5.741.355.027	-	1.905.577.687	7.646.932.714
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	2.371.937.825	2.371.937.825
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	1.221.600.000	1.221.600.000
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	1.150.337.825	1.150.337.825
Tại ngày 31/12/2015	31.533.390.000	94.170.000	837.104.207	22.358.753.635	-	(16.634.329.631)	38.189.088.211

Vốn chủ sở hữu

	Tỷ lệ sở hữu	31/12/2015	31/12/2014
		VND	VND
Ông Nguyễn Thế Cường	12%	3.893.430.000	3.893.430.000
Ông Phạm Đức Phú	2%	598.530.000	598.530.000
Ông Nguyễn Trọng Kiên	16%	5.093.640.000	5.093.640.000
Các cổ đông khác	70%	21.947.790.000	21.947.790.000
Cộng	100%	31.533.390.000	31.533.390.000

Cổ phiếu

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.153.339	3.153.339
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.153.339	3.153.339
- Cổ phiếu phổ thông	3.153.339	3.153.339
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.153.339	3.153.339
- Cổ phiếu phổ thông	3.153.339	3.153.339
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000	10.000

22. CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**Chỉ tiêu ngoài bảng cân đối**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Ngoại tệ các loại		
- USD	51.191,86	5.320,37
- EUR	81,34	93,82

23. DOANH THU

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	270.680.266.921	288.209.438.777
Doanh thu kinh doanh bất động sản	-	6.637.034.283
Doanh thu dịch vụ	437.239.688	2.403.754.040
Cộng	271.117.506.609	297.250.227.100

Doanh thu với các bên liên quan

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Công ty Cổ phần Thạch Bàn Yên Hưng	46.000.000	2.111.807.796
Công ty Cổ phần Gốm xây dựng Ba Triệu	20.000.000	40.000.000
Công ty Cổ phần Thạch Bàn Đan Phượng	112.359.900	138.331.496
Công ty Cổ phần Gạch ngói Thạch Bàn	160.669.199	702.509.698

24. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	3.287.368.394	3.820.975.219
Hàng bán bị trả lại	2.231.937.446	2.563.156.311
Cộng	5.519.305.840	6.384.131.530

25. GIÁ VỐN

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Giá vốn hàng bán	198.524.199.046	226.720.237.240
Giá vốn hàng hóa Bất động sản	-	2.383.448.215
Giá vốn dịch vụ	30.487.991	2.306.208.499
(Hoàn nhập)/ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	238.166.044	475.798.199
Cộng	198.792.853.081	231.885.692.153

26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	50.256.903	76.711.768
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	35.885.997	104.378.549
Cộng	86.142.900	181.090.317

27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lãi tiền vay	11.995.782.696	11.911.351.222
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	-	200.000.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	208.047.809	157.468.019
Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại	54.061.532	-
Chi phí tài chính khác	419.560.208	534.015.385
Cộng	12.677.452.245	12.802.834.626

28. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm	24.472.302.971	21.900.947.456
- Chi phí nhân viên quản lý	10.158.347.234	9.072.259.394
- Chi phí vật liệu quản lý	136.919.210	124.357.306
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	972.558.163	497.107.590
- Chi phí Thuế, phí, lệ phí	4.365.746.826	4.516.768.993
- Chi phí dự phòng	631.392.879	471.811.884
- Chi phí dịch vụ mua ngoài và bằng tiền khác	6.102.455.125	1.802.085.083
- Chi phí bằng tiền khác	2.104.883.534	5.416.557.206
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm	23.115.719.670	24.471.022.949
- Chi phí nhân viên bán hàng	6.190.772.975	5.702.454.422
- Chi phí dụng cụ, vật liệu, bao bì	1.085.255.545	957.901.493
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	638.416.900	767.921.843
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.380.290.377	6.340.794.216
- Chi phí dịch vụ bằng tiền khác	7.820.983.873	10.701.950.975
Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	(93.364.894)	-
- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(93.364.894)	-

29. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	142.963.426.074	196.254.274.695
Chi phí nhân công	35.684.703.439	28.117.672.746
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.152.289.778	7.432.496.702
Chi phí dự phòng	754.596.786	105.788.910
Chi phí dịch vụ mua ngoài	22.271.348.038	15.562.538.604
Chi phí khác bằng tiền	16.900.273.093	22.776.643.573
Cộng	226.726.637.208	270.249.415.230

30. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.693.925.919	(1.900.002.423)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	2.693.925.919	(1.900.002.423)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	3.153.339	3.153.339
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	854	(603)

31. SỔ DƯ VÀ NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty có các bên liên quan sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty CP Thạch Bàn Đan Phượng	Công ty liên kết, chiếm 20,44% vốn điều lệ
Công ty CP Xây lắp Thạch Bàn	Công ty liên kết, chiếm 28% vốn điều lệ
Công ty CP Thạch Bàn Yên Hưng	Công ty liên kết, chiếm 35,52% vốn điều lệ
Công ty CP Thạch Bàn Lương Sơn	Công ty liên kết, chiếm 33,33% vốn điều lệ
Công ty CP Hạ tầng Thạch Bàn	Công ty liên kết, chiếm 20% vốn điều lệ
Công ty CP Thạch Bàn Đà Nẵng	Công ty liên kết, chiếm 11% vốn điều lệ
Công ty TNHH BĐS Thạch bàn Lake side	Công ty liên kết, chiếm 26% vốn điều lệ
Công ty CP Gạch ngói Thạch bàn	Công ty liên kết, chiếm 31,39% vốn điều lệ
Công ty Cổ phần gốm xây dựng Ba Triệu	Góp vốn đầu tư chiếm 13,33% vốn điều lệ

Ngoài các giao dịch và thuyết minh với các bên liên quan đã được trình bày ở các thuyết minh nêu trên, Công ty còn có các giao dịch và sổ dư khác với bên liên quan như sau:

Giao dịch với bên liên quan

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Mua hàng		
Công ty Cổ phần Gạch ngói Thạch Bàn	2.687.363.522	7.119.211.052
Công ty Cổ phần Thạch Bàn Yên Hưng	3.014.168.944	5.266.056.567
Lãi đi vay		
Công ty Cổ phần Gạch ngói Thạch Bàn		
<i>Lãi phát sinh</i>	221.174.999	34.410.081
<i>Đã trả lãi</i>	-	34.410.081
Thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc	3.517.327.489	2.709.301.785

Sổ dư với các bên liên quan

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Phải thu khác		
Công ty Cổ phần Gạch ngói Thạch Bàn	15.506.651.497	200.000.000
Công ty Cổ phần Thạch Bàn Yên Hưng	1.316.112.500	316.112.500
Công ty Cổ phần Gốm Xây dựng Ba Triệu	-	268.098.333
Công ty Cổ phần Thạch Bàn Đan Phượng	-	250.000.000
Công ty Cổ phần xây lắp Thạch Bàn	-	198.660.000
Phải trả ngắn hạn khác		
Công ty Cổ phần gốm xây dựng Ba Triệu	-	22.237.500
Phải trả dài hạn khác		
Công ty TNHH Bất động sản Thạch Bàn Lakeside	52.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Gạch ngói Thạch Bàn	14.221.174.999	14.000.000.000
Vay dài hạn phải trả		
Công ty Cổ phần Gạch ngói Thạch Bàn	7.500.000.000	-

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4 về chính sách kế toán.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ 31/12/2015 VND	Giá trị ghi sổ 01/01/2015 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	14.683.564.986	4.258.825.507
Phải thu khách hàng và phải thu khác	36.249.186.080	34.214.115.798
Đầu tư dài hạn	2.700.000.000	2.700.000.000
Tài sản tài chính khác	226.125.120	226.125.120
Cộng	53.858.876.186	41.399.066.425
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	263.911.862.537	119.904.747.302
Phải trả người bán và phải trả khác	107.442.055.308	63.495.436.953
Chi phí phải trả	3.994.063.867	2.423.542.269
Cộng	375.347.981.712	185.823.726.524

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.



Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	31/12/2015	31/12/2014	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND	VND	VND
USD	2.277.342.652	2.898.592.042	4.575.620.101	2.081.730.200
EUR	1.988.437	2.386.623	446.628.420	-

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty có rủi ro về giá hàng hóa do thực hiện mua một số loại hàng hóa nhất định. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ thông tin và tình hình có liên quan của thị trường hàng hóa nhằm quản lý thời điểm mua hàng và bán hàng. Công ty chưa sử dụng các công cụ tài chính phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty đã áp dụng quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07/12/2009 để trích lập dự phòng cho các khoản phải thu quá hạn. Theo đó, mức trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi tại ngày 31/12/2015 là 1.906.767.887 đồng (tại ngày 31/12/2014 là 1.368.739.902 đồng).

Rủi ro thanh khoản

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận, dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán.

	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Tổng VND
Tại 31/12/2015			
Các khoản vay	126.521.047.892	137.390.814.645	263.911.862.537
Phải trả người bán và phải trả khác	39.394.664.622	68.047.390.686	107.442.055.308
Chi phí phải trả	3.994.063.867	-	3.994.063.867
Tại 31/12/2014			
Các khoản vay	88.101.953.750	8.942.693.653	97.044.647.403
Phải trả người bán và phải trả khác	44.092.368.184	19.403.068.769	63.495.436.953
Chi phí phải trả	2.423.542.269	-	2.423.542.269

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Tổng VND
Tại 31/12/2015			
Tiền và các khoản tương đương tiền	14.683.564.986	-	14.683.564.986
Phải thu khách hàng và phải thu khác	36.249.186.080	-	36.249.186.080
Đầu tư dài hạn	-	2.700.000.000	2.700.000.000
Tại 31/12/2014			
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.258.825.507	-	4.258.825.507
Phải thu khách hàng và phải thu khác	34.214.115.798	-	34.214.115.798
Đầu tư dài hạn	-	2.700.000.000	2.700.000.000
Tài sản tài chính khác	-	226.125.120	226.125.120

33. THÔNG TIN BỔ SUNG

Thực hiện chủ trương của UBND thành phố Hà Nội về việc di dời các Nhà máy sản xuất ra khỏi thành phố theo công văn số 297/UB-CN ngày 23/01/2006, Công ty hiện đang thực hiện di dời nhà máy lên địa điểm mới tại huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, dự kiến hoàn thành trước ngày 31/12/2016. Khu đất tại tổ 4 Thạch Bàn sẽ được chuyển đổi mục đích sử dụng sang xây dựng khu nhà ở. Ngày 18/07/2014, UBND thành phố Hà Nội đã ban hành quyết định số 3838/QĐ-UBND về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết khu nhà ở Thạch Bàn Lakeside, tỷ lệ 1/500 tại phường Thạch Bàn, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

34. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

35. SỐ LIỆU SO SÁNH

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 02, kể từ ngày 01/01/2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 202/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 202”), hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 01/01/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 (cho mục đích so sánh) đã được phân loại lại để có thể so sánh được với số liệu tương ứng của báo cáo tài chính hợp nhất kết thúc ngày 31/12/2015.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THẠCH BÀN**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Bảng cân đối kế toán	Mã số	31/12/2014	01/01/2015	Ảnh hưởng
		VND	VND	VND
Tài sản				
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	4.550.000.000	-	(4.550.000.000)
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	-	4.754.000.000	4.754.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	4.575.571.987	8.350.174.408	3.774.602.421
Tài sản thiếu chờ xử lý	139	-	754.798.231	754.798.231
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.609.810.371	4.344.810.371	(265.000.000)
Tài sản ngắn hạn khác	155	4.733.400.652	-	(4.733.400.652)
Phải thu dài hạn khác	216	-	226.125.120	226.125.120
Chi phí trả trước dài hạn	261	416.041.261	681.041.261	265.000.000
Tài sản dài hạn khác	268	226.125.120	-	(226.125.120)
Hàng tồn kho	141	79.315.859.022	77.815.108.590	(1.500.750.432)
Chi phí sản kinh doanh dở dang dài hạn	241	-	1.500.750.432	1.500.750.432
Cộng		98.426.808.413	98.426.808.413	-
Nguồn vốn				
Quỹ đầu tư phát triển	417	13.978.053.225	15.139.679.148	(1.161.625.923)
Quỹ dự phòng tài chính	418	1.161.625.923	-	1.161.625.923
Cộng		15.139.679.148	15.139.679.148	-

Hà Nội, ngày 10 tháng 4 năm 2016

Người lập

Nguyễn Thị Nhân

Kế toán trưởng

Đỗ Thị Tần

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thế Cường